

Số: 43/2022/QĐST-HNGĐ

MS, ngày 29 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MS, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Ông Lò Văn H, sinh năm 1974 và bà Hà Thị B, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tiểu khu A, xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân:

Ông Lò Văn H và bà Hà Thị B kết hôn với nhau từ năm 1999. Việc kết hôn là do cả hai cùng tự nguyện, không bị ai ép buộc. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện MS, tỉnh Sơn La vào ngày 26/11/2017 (số 76) và có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được đến năm 2008 thì đã có mâu thuẫn nhưng vợ chồng đã tự hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa hai bên vẫn tiếp tục và căng thẳng nhất từ tháng 4/2022 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên có cãi vã khiến hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa hai ông bà đã được gia đình hòa giải cho nhưng không thành. Cả hai không có biện pháp để tháo gỡ mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai ông bà đều nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình cho ly hôn. Tại phiên

hòa giải, ông H, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H, bà B.

[2] Về con chung:

Ông H, bà B có 02 con chung là Lò Thị Hà D, sinh năm 2000 (đã trưởng thành và lập gia đình riêng) và Lò Thị Thùy D1, sinh ngày 29/3/2007. Ông H, bà B thống nhất giao cháu Lò Thị Thùy D1 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lò Thị Thùy D1 trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Bà B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông H do ông H không yêu cầu.

Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc không phải cấp dưỡng nuôi con chung của hai ông bà là tự nguyện, phù hợp với điều kiện của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí tòa án: Ông H nhận chịu toàn bộ tiền lệ phí ly hôn theo quy định.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lò Văn H và bà Hà Thị B nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao cháu Lò Thị Thùy D1, sinh ngày 29/3/2007 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D1 trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Bà B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông H do ông H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, bà B được quyền thăm nom con, không ai được cản trở bà B thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà B, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết tại thời điểm ly hôn.

- Về các vấn đề khác: Không có

2. Về lệ phí Tòa án: Ông H nhận chịu toàn bộ tiền lệ phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0002330 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- UBND xã HL
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tráng A Tênh